TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 289/2022/QĐST-DS	*Thành phố H, ngày 21 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 151/2022/TLST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Viết tắt: S).

Địa chỉ: Số 226 N, phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Minh C, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021).

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo Quốc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Số 126 H, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền số 27/2022/GUQ-CNTTH ngày 04/01/2022).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị C, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số LD 1917500399 ngày 24/6/2019 và hợp đồng tín dụng số LD 12009700103 ngày 06/4/2020 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với ông Huỳnh

T và bà Trần Thị C thì tính đến ngày 11/11/2022, ông T, bà C còn nợ S tổng số tiền là 144.016.207 đồng. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD 1917500399 ngày 24/6/2019 còn nợ số tiền 127.009.884 đồng, gồm 107.658.000 đồng nợ gốc, 13.809.474 đồng nợ lãi trong hạn, 4.704.166 đồng nợ lãi quá hạn, 838.234 đồng lãi chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số LD 12009700103 ngày 06/4/2020 còn nợ số tiền 17.006.324 đồng, gồm 15.101.000 đồng nợ gốc, 1.412.500 đồng nợ lãi trong hạn, 424.609 đồng nợ lãi quá hạn, 68.214 đồng lãi chậm trả.

2.2. Về thời hạn trả nợ, trả tiền lãi phát sinh và xử lý tài sản thế chấp: Các bên đương sự thỏa thuận, đến hết ngày 11/12/2022, ông Huỳnh T và bà Trần Thị C có trách nhiệm trả hết số tiền còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Slà 144.016.207 đồng và khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ với mức lãi suất theo các hợp tín dụng đã ký kết kể từ ngày 12/11/2022 cho đến khi trả hết khoản nợ.

Nếu đến hết ngày 11/12/2022, ông T, bà C không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 169 ngày 15/7/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04 ngày 24/6/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05 ngày 06/4/2020 mà các bên đã ký kết, S có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang (nay là phường Thuận An, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Trường hợp, đã xử lý tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ để trả nợ thì ông T, bà C có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho S đến khi hết nợ.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Huỳnh T và bà Trần Thị C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông T, bà C có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh T và bà Trần Thị C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền: (144.016.207 đồng x 5%) x 50%= 3.600.405 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.222.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003425 ngày 15/6/2022 của Chi cuc Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Văn Hạnh